

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TD  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST  
Ngày 06 tháng 7 năm 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hoài

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Nghiệp
2. Bà Hoàng Thị Hanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Xuân Chín, thư ký Tòa án nhân dân huyện TD.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Xuân Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST - DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST - DS ngày 19/6/2019 và thông báo mở lại phiên tòa ngày 12/5/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim U, sinh năm 1971

Ông Lương Ngọc Đ, sinh năm 1967

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Lê Thị Kim U, sinh năm 1971 (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2018).

Đều cư trú: Khu 4, thôn Bò Yên, xã Hướng Đạo, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

*Bị đơn:* Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Khu 8, xã Hướng Đạo, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2018 của nguyên đơn bà Lê Thị Kim U, ông Lương Ngọc Đ và những lời khai tiếp theo bà U trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết là người cùng địa phương nên ngày 15/6/2015 chị Hoàng Thị L có đến gia đình nhà bà U, ông Đ để vay số tiền 100.000.000 đồng và hẹn đến ngày 25/6/2015 sẽ trả đầy đủ cả gốc và lãi. Đến hạn trả nợ, chị L có trình bày do chưa vay được tiền nên xin khất nợ, khi nào ngân hàng giải ngân sẽ thanh toán tiền nợ cho bà U. Đến ngày 30/7/2015 chị L lại tiếp tục hỏi vay bà U số tiền 250.000.000 đồng để lo công việc gấp với mức lãi suất 3%/tháng và hẹn đến ngày 30/8/2015 sẽ trả toàn bộ cả gốc và lãi. Tuy nhiên, từ khi vay tiền cho đến nay, mặc dù bà U đã nhiều lần yêu cầu nhưng chị L vẫn chưa trả được cho bà U, ông Đ khoản nợ nào. Vì vậy, bà U đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị L phải trả cho bà số tiền 350.000.000 đồng theo giấy vay mượn tiền cầm đồ đề ngày 15/6/2015 và ngày 30/7/2015 với mức lãi suất 1,25%/tháng/số tiền vay, tính từ ngày đến hạn trả nợ cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa bà U đề Hội đồng xét xử buộc chị L phải trả:

Khoản nợ theo giấy vay mượn tiền cầm đồ đề ngày 15/6/2015 số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Tiền lãi trong hạn từ ngày 15/6/2015 đến ngày 25/6/2015 bà không yêu cầu. Bà U yêu cầu chị L phải trả tiền lãi từ ngày 26/6/2015 đến ngày 06/7/2020 (ngày Tòa án xét xử) là 60 tháng 11 ngày x 100.000.000 đồng x 9%/năm = 45.275.000 đồng.

Khoản nợ theo giấy vay mượn tiền cầm đồ đề ngày 30/7/2015 số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng. Tiền lãi trong hạn từ ngày 30/7/2015 đến ngày 30/8/2015 bà không yêu cầu. Bà U yêu cầu chị L phải trả tiền lãi từ ngày 31/8/2015 đến ngày 06/7/2020 (ngày Tòa án xét xử) là 58 tháng 07 ngày x 250.000.000 đồng x 9%/năm = 109.187.500 đồng.

*Bị đơn chị Hoàng Thị L:* Chị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị L không có văn bản gửi đến, không đến Tòa án làm việc vì vậy không thể lấy được lời khai của chị L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng các quy định về thời hạn, thẩm quyền, tư cách pháp lý và nội dung theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Đối với người tham gia tố tụng là nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị L phải trả cho ông Đ, bà L số tiền nợ gốc theo 02 giấy vay tiền tổng số tiền là 350.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày hết

hạn trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước là 9%/năm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là 350.000.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng/số tiền vay theo giấy vay mượn tiền cầm đồ đề ngày 15/6/2015 và ngày 30/7/2015. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khẳng định quan hệ phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ vay tiền, do bị đơn không chấp hành đúng thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD và quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Các khoản nợ ngày 15/6/2015 và ngày 30/7/2015, tính đến ngày Tòa án thụ lý đã hơn 03 năm. Quá trình giải quyết vụ án, Bà U trình bày đã nhiều lần yêu cầu chị L thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng chị L đều xin khất nợ, đến tháng 01/2018 bà U không liên lạc bằng điện thoại được với chị L, đến nhà đều không gặp nên bà khởi kiện chị L yêu cầu trả 02 khoản nợ này. Ngoài ra, theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu khi có yêu cầu của một bên hoặc các bên đương sự và yêu cầu phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Trong vụ án này nguyên đơn, bị đơn không đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu nên không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

[3]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn chị Hoàng Thị L nhưng chị L đều cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng tiến hành xác minh tại địa phương được biết chị L vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương và vẫn có mặt ở địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà U đối với khoản vay ngày 15/6/2015 và ngày 30/7/2015, bà U trình bày những khoản vay này là của chị L, không liên quan đến anh Phan Ngọc Thơ chồng chị L. Vì vậy Tòa án xác định anh Thơ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4]. Về việc áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ năm 2015. Tuy nhiên, thỏa thuận về lãi suất của các bên không phù hợp. Do vậy, căn cứ Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, áp dụng các quy định về hợp đồng vay, lãi, lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án; cách tính lãi căn cứ hướng dẫn tại

điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[5]. Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã xuất trình và khẳng định “Giấy vay mượn tiền-cầm đồ” đề ngày 15/6/2015 và ngày 30/7/2015 là khoản vay mà bị đơn vay của nguyên đơn. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của chị Hoàng Thị L trong giấy vay mượn tiền-cầm đồ ngày 15/6/2015 và giấy vay mượn tiền-cầm đồ đề ngày 30/7/2015. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ để so với chữ ký, chữ viết của chị Hoàng Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký và viết ra hay không. Tại bản kết luận giám định số 918A/KLGĐ ngày 25/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kết luận: “Chữ ký, chữ viết đứng tên Hoàng Thị L dưới mục “NGƯỜI VAY TIỀN” trên giấy vay mượn tiền-cầm đồ ngày 15/6/2015 và giấy vay mượn tiền-cầm đồ đề ngày 30/7/2015 so với chữ ký, chữ viết của bà Hoàng Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận ngày 15/6/2015 chị L có vay của bà U, ông Đ số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 25/6/2015, lãi suất theo thỏa thuận; ngày 30/7/2015 chị L có vay của bà U, ông Đ số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 30/8/2015, lãi suất 3%/tháng. Bà U đã nhiều lần yêu cầu chị L thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng chị L đều không thực hiện nên áp dụng Điều 471,477 của Bộ luật dân sự năm 2005 buộc chị L phải trả tổng số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng.

Về lãi suất:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai bà U yêu cầu chị L phải trả tiền lãi đối với khoản vay 100.000.000 đồng từ ngày 25/6/2015 và khoản vay 250.000.000 đồng từ ngày 30/8/2015 với lãi suất 1,25%/tháng cho đến ngày xét xử sơ thẩm và không yêu cầu chị L phải trả khoản nợ lãi trong hạn vay (từ ngày 15/6/2015 đến ngày 25/6/2015 và từ ngày 30/7/2015 đến ngày 30/8/2015). Xét thấy, giấy vay mượn tiền-cầm đồ ngày 15/6/2015 các bên không ghi lãi suất cụ thể trong giấy vay tiền. Còn giấy vay mượn tiền-cầm đồ đề ngày 30/7/2015, các bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, tương đương với 36%/năm là cao hơn quy định của pháp luật. Như vậy, lãi suất thỏa thuận của giấy vay tiền đề ngày 30/7/2015 vượt quá mức quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà U yêu cầu: tiền lãi đối với khoản nợ gốc số tiền 100.000.000 đồng tính từ ngày 26/6/2015 đến ngày 06/7/2020 (ngày Tòa án xét xử) là 60 tháng 11 ngày x 100.000.000 đồng x 0,75%/tháng = 45.275.000 đồng; tiền lãi đối với khoản nợ gốc số tiền 250.000.000 đồng, tính từ ngày 31/8/2015 đến ngày 06/7/2020 (ngày Tòa án xét xử) là 58 tháng 07 ngày x 250.000.000

đồng x 0,75%/tháng = 109.187.500 đồng. Tổng số tiền lãi là: 154.462.500 đồng. Yêu cầu số tiền lãi này của bà U không vượt quá lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí, chi phí giám định và quyền kháng cáo:

Bà U đã nộp số tiền 3.060.000 đồng chi phí giám định, việc yêu cầu giám định của bà U là có căn cứ nên chị L phải trả cho bà U số tiền chi phí giám định này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là (20.000.000 đồng + 4% (504.462.500 đồng – 400.000.000 đồng) = 24.178.500 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 147; 161; Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 357, Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, khoản 4 Điều 474, Điều 476; 477 và khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim U, ông Lương Ngọc Đ. Buộc chị Hoàng Thị L phải trả cho bà Lê Thị Kim U, ông Lương Ngọc Đ số tiền là 504.462.500 đồng gồm: nợ gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi 154.462.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc chị Hoàng Thị L phải trả cho bà Lê Thị Kim U, ông Lương Ngọc Đ số tiền 3.060.000 đồng chi phí giám định.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.178.500 đồng.

Bà Lê Thị Kim U, ông Lương Ngọc Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà U số tiền 8.750.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002531 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện TD;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD;
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Hoài**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Nghiệp**

**Hoàng Thị Hanh**

**Nguyễn Thị Thanh Hoài**

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện TD;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Hoài**